

Nâng cao hiệu quả dạy - học trực tuyến, kinh nghiệm từ Học viện Phụ nữ Việt Nam

Trương Thu Trà

Email: thutra@vwa.edu.vn
 Học viện Phụ nữ Việt Nam
 68 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa,
 Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Đại dịch COVID-19 đã có những ảnh hưởng, tác động lớn đến giáo dục đại học. Nhiều cơ sở giáo dục đại học đã nhanh chóng chuyển hình thức giảng dạy trực tiếp truyền thống sang hình thức giảng dạy trực tuyến để “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”. Đây cũng là cơ hội để ngành Giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng thực hiện quá trình chuyển đổi số. Để quá trình chuyển đổi số có hiệu quả, đảm bảo chất lượng cần phải thực hiện một cách đồng bộ các giải pháp, trong đó chú trọng đến hoạt động dạy và học. Bài viết chia sẻ một số kinh nghiệm thực tiễn trong hai năm chuyển đổi hình thức giảng dạy trực tiếp sang hình thức giảng dạy trực tuyến tại Học viện Phụ nữ Việt Nam để từng bước kiểm soát và nâng cao hiệu quả giảng dạy, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục.

TỪ KHÓA: Dạy học trực tuyến, giáo dục đại học, đảm bảo chất lượng, chuyển đổi số.

→ Nhận bài 14/02/2022 → Nhận bài đã chỉnh sửa 01/3/2022 → Duyệt đăng 15/3/2022.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12210310>

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và mạng internet, thiết bị thông minh, phần mềm điều khiển,... tạo ra một thế giới phẳng, kết nối vạn vật với nhau và có thể giải quyết nhanh chóng các nhu cầu của con người. Giáo dục cũng không nằm ngoài quy luật của sự phát triển trên. Theo đó, bên cạnh những phòng học truyền thống với những phương pháp giảng dạy trực tiếp, xuất hiện thêm những phòng học ảo thông qua một thiết bị điện tử kết nối mạng internet và phần mềm cần thiết để có thể giảng dạy, hỏi đáp với người học từ xa. Có nhiều cách tiếp cận về việc dạy học trực tuyến nhưng tác giả đồng quan điểm dạy học trực tuyến (E-learning) là hình thức giảng dạy và học tập ở các lớp học trên internet. Người dạy và người học sẽ sử dụng phần mềm nền tảng học trực tuyến, ứng dụng truyền âm thanh, hình ảnh và các thiết bị thông minh (laptop, smartphone, máy tính bảng, ...). Các bài giảng, tài liệu (dưới dạng văn bản, hình ảnh, video...) được đưa lên các nền tảng và người dùng có thể dễ dàng truy cập và học mọi lúc, mọi nơi. Kể từ khi đại dịch COVID-19 bùng phát trên toàn cầu, hình thức dạy học trực tuyến là một trong những giải pháp hữu hiệu được ngành Giáo dục của tất cả nước trên thế giới lựa chọn với ưu điểm nổi bật như hạn chế nguy cơ lây lan dịch bệnh, thúc đẩy quá trình ứng dụng công nghệ thông tin vào giáo dục, góp phần thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số. Đây là hình thức dạy học phù hợp, phát huy được tính tự học, tự nghiên cứu. Người học có thể chủ động lựa chọn khóa học mình mong muốn và học bất cứ lúc nào, ở đâu và phù hợp với nhiều kiểu học khác nhau. Họ có thể rút ngắn thời gian học vì không phụ thuộc vào thời

gian biểu ở các lớp học truyền thống.

Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích kể trên, dạy - học trực tuyến cũng đã bộc lộ những mặt hạn chế, đặc biệt trong lĩnh vực đào tạo đại học tại Việt Nam như: Sinh viên khó tập trung học tập, khả năng tương tác, giao tiếp đối thoại trong học tập chưa cao, người học ít có cơ hội trao đổi với người dạy và bạn bè nên giảm hứng thú học tập. Người học có tâm lý bị cô lập, thất vọng và lo lắng do chưa kịp thời thích nghi với môi trường tự học. Phương pháp và kỹ năng đào tạo trực tuyến của giảng viên còn hạn chế. Giảng viên chưa tạo được sự hứng thú cho sinh viên trong các bài giảng trực tuyến. Hệ thống học liệu điện tử còn thiếu và chưa có độ chuẩn hóa cao. Các phương pháp đánh giá, đảm bảo chất lượng chưa có quy chế, hướng dẫn thống nhất. Bên cạnh đó là những hạn chế đến từ phía người học như các vấn đề về thiết bị, hệ thống mạng. Rõ ràng, dạy - học trực tuyến phụ thuộc vào kết nối mạng, ... Nếu kết nối mạng chậm/mất kết nối mạng, buổi học sẽ bị gián đoạn. Điều này ảnh hưởng đến tâm trạng của người dạy, người học và tiến trình bài giảng. Thứ nữa, chất lượng đào tạo qua hình thức giảng dạy trực tuyến phụ thuộc phần lớn vào sự chủ động, tính kỉ luật của người học. Bởi do lớp học thực hiện trên không gian ảo nên người dạy khó có thể quản lý, kiểm tra đôn đốc việc học của người học, quá trình minh bạch, khách quan trong việc kiểm tra đánh giá. Những hạn chế nói trên có nguyên nhân từ việc chậm chuyển đổi tư duy và phương thức đào tạo của các cơ sở giáo dục, đào tạo đại học; hạ tầng công nghệ nói chung, khả năng chấp nhận công nghệ và hình thức đào tạo trực tuyến của người học...

Học viện Phụ nữ Việt Nam nhanh chóng chuyển sang

học trực tuyến khi đại dịch bùng phát, đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số của nhiều hoạt động, đặc biệt là hoạt động dạy - học, đồng thời từng bước kiểm soát, nâng cao hiệu quả giảng dạy, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục đại học. Giải mã và hiểu được những mặt tích cực và tiêu cực của dạy học trực tuyến, thích ứng với đại dịch COVID-19 sẽ giúp ích cho giảng viên Học viện trong việc xây dựng phương pháp dạy học hiệu quả hơn, đảm bảo thành tích học tập của sinh viên.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Học viện Phụ nữ Việt Nam triển khai một số giải pháp thích ứng

Với bề dày hơn 60 năm hình thành và phát triển, Học viện Phụ nữ Việt Nam là cơ sở giáo dục đại học công lập uy tín trong hệ thống giáo dục quốc dân trực thuộc Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Các hệ đào tạo và ngành học của Học viện đều đảm bảo tính ứng dụng cao, phù hợp với xu thế phát triển của xã hội cùng với chất lượng đào tạo được đặt lên hàng đầu. Tất cả sinh viên theo học tại Học viện Phụ nữ Việt Nam đều được học tập trong môi trường văn minh, cơ sở vật chất hiện đại, đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ cao và nhiều hoạt động ngoại khóa phong phú, ... Học viện áp dụng phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ, phương pháp giảng dạy hiện đại lấy người học làm trung tâm, không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục thực tế. Hệ thống giáo trình, tài liệu chính, tài liệu tham khảo luôn được kiểm tra, cập nhật và nâng cấp để đảm bảo nghiên cứu, giảng dạy học tập. Sinh viên được đào tạo kiến thức và các kỹ năng mềm, kỹ năng bổ trợ cho việc hành nghề sau này.

Với giáo dục 4.0, Học viện Phụ nữ Việt Nam triển khai giải pháp tổng thể, toàn diện để quản trị giáo dục đại học cũng như sinh viên, giảng viên và mọi mặt liên quan đến hệ sinh thái trường đại học. Đồng thời, Học viện cũng trang bị một cách đầy đủ những kiến thức vừa đáp ứng tính chuyên môn cao về từng ngành nghề, vừa đáp ứng tính liên ngành (công nghệ thông tin, kỹ thuật số, mạng, kiến thức chuyên ngành du lịch, truyền thông, ...) và kỹ năng cần thiết cho sinh viên cho cả hiện tại và tương lai, đặc biệt tăng cường giảng dạy những kỹ năng mềm bên cạnh việc củng cố các kỹ năng cứng.

Học viện cũng tìm hiểu, học tập và từng bước áp dụng một số giải pháp công nghệ mới nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng ngay những nhu cầu của doanh nghiệp và các tổ chức như: Khả năng sáng tạo, khả năng suy nghĩ có hệ thống, khả năng liên kết giữa thế giới thực và ảo, khả năng tổng hợp, khả năng hợp tác liên ngành, ... giúp sinh viên tốt nghiệp có cơ hội cạnh tranh việc làm, mở ra cánh cửa để bước vào sân chơi toàn cầu hóa. Thay đổi môi trường giảng đường, không gian học tập, thiết kế chương trình đào tạo và các học phần: Không gian

học tập rộng mở và đa dạng hơn, sinh viên có thể trải nghiệm học tập bằng không gian ảo, có thể tương tác trong điều kiện như thật thông qua các phần mềm và hệ thống mạng, đảm bảo đầu ra của các trường đại học là chuẩn đầu vào của các doanh nghiệp.

Có khoảng 10% giảng viên đã mạnh dạn ứng dụng các công cụ mới và mở (MOOCs) vào giảng dạy, cho phép sinh viên học tập và trải nghiệm thú vị. Bước đi đột phá này sẽ xây dựng cho sinh viên kho trải nghiệm đa văn hóa hết sức quý báu cho sự nghiệp sau này. Có hơn 90% sinh viên biết tận dụng cơ hội để trang bị kiến thức và củng cố đam mê, xây dựng lộ trình theo đuổi nghề nghiệp rõ ràng. Một số học phần, đặc biệt là các học phần chuyên ngành được các chuyên gia, các nhà khoa học, các doanh nghiệp đánh giá một cách hệ thống và bài bản thông qua công cụ học trực tuyến miễn phí. Đây là cơ sở để khuyến khích các nhà giáo dục, Học viện Phụ nữ Việt Nam tích hợp mô hình học tập gắn với thực tiễn và dựa trên yêu cầu lấy người học làm trung tâm. Nhiều sinh viên có laptop, điện thoại thông minh để nghiên cứu, học tập nên có nhiều thuận lợi khi học tập “kiểu 4.0” trước đại dịch COVID-19 vẫn đang tiếp diễn. Dạy - học trực tuyến ở Học viện Phụ nữ Việt Nam đã đạt được một số thành công nhất định, nhờ áp dụng hiệu quả một số giải pháp sau:

2.2. Sử dụng các phần mềm phù hợp trong dạy - học trực tuyến

Trước diễn biến nghiêm trọng của dịch bệnh COVID-19 trong nước và quốc tế, nhất là trên địa bàn Hà Nội, để bảo đảm an toàn cho sinh viên và không ảnh hưởng đến kế hoạch chung, Học viện Phụ nữ Việt Nam đã thực hiện dạy học trực tuyến cho sinh viên từ năm 2020 đến nay ở tất cả các hệ đào tạo ở các ngành học, từng bước thực hiện số hóa hoạt động giáo dục. Thời gian đầu, Học viện triển khai dạy học trực tuyến trên nền tảng phần mềm Zoom. Phần mềm này được đánh giá cao về giao diện thân thiện với người dùng, có nhiều tính năng hỗ trợ như chia sẻ màn hình và chú thích cho phép cộng tác và tương tác từ xa trong các cuộc họp từ xa, ... Tuy nhiên, ngay trong quá trình triển khai dạy học trực tuyến, Học viện đã thấy sự bất cập vì tính bảo mật thông tin và việc lưu giữ tài nguyên dạy - học của phần mềm chưa được hiệu quả như mong muốn. Chính vì vậy, song song với quá trình ứng dụng triển khai phần mềm dạy học Zoom Cloud Meeting, Học viện đã triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến LMS và giảng dạy qua phần mềm Teams thông qua hệ thống email do Học viện cung cấp để đăng nhập vào lớp học cũng giúp giảng viên và sinh viên tương tác đồng bộ, cải thiện hệ thống thông tin chung của Học viện, góp phần tăng cường tính bảo mật và lưu giữ được tài nguyên giảng dạy, học tập điện tử trên hệ thống.

Nhằm tăng cường tính chủ động và thích ứng với hình thức dạy học mới, ngay từ đầu, Học viện đã tổ chức các buổi tập huấn sử dụng phần mềm cho các giảng viên cơ hữu cũng như giảng viên thỉnh giảng; biên soạn tài liệu hướng dẫn giảng viên, sinh viên dạy - học trực tuyến cũng như các tài liệu hướng dẫn coi thi, chấm thi. Bên cạnh đó, để tăng cường hoạt động quản lý, nâng cao chất lượng dạy học trực tuyến, hạn chế tối đa những nhược điểm trong hình thức đào tạo này, ngày 02 tháng 8 năm 2021, Học viện đã ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học điều chỉnh bổ sung, trong đó quy định rõ việc giảng dạy và học tập trực tuyến, thực hiện các giải pháp bảo đảm chất lượng và minh chứng chất lượng tổ chức lớp học trực tuyến, đảm bảo chất lượng các lớp dạy và học trực tuyến không thấp hơn chất lượng lớp dạy và học trực tiếp.

Nhờ việc sử dụng phần mềm phù hợp và thích ứng nhanh của Học viện nên 100% giảng viên, sinh viên đều có tài khoản riêng do Học viện cung cấp phục vụ dạy - học trực tuyến qua Team. Hiện tại, cả người dạy và người học đều thành thạo các thao tác và tương tác tốt thông qua phần mềm này. Vì vậy, kế hoạch đào tạo của Học viện vẫn đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng và duy trì ổn định được các hoạt động có liên quan trong một cơ sở giáo dục đại học.

2.3. Quản lý, giám sát dạy - học trực tuyến

Để giám sát quá trình dạy và học của giảng viên, Học viện cũng giao Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng làm đầu mối thực hiện, thường xuyên có các báo cáo thống kê cập nhật, giám sát tình hình dạy và học trực tuyến, đánh giá sơ bộ chất lượng giờ dạy - học trực tuyến gửi Ban Giám đốc và các khoa chuyên môn cũng như các bộ phận liên quan để kịp thời có những chỉ đạo, điều chỉnh phù hợp.

Trên cơ sở có các quy định và giám sát chặt chẽ của đơn vị đầu mối, phần lớn giảng viên và sinh viên đều thực hiện nghiêm túc, có phản hồi tích cực về hình thức dạy - học này. Một số giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng của Học viện hài lòng về sự có mặt của hơn 90% sinh viên trong buổi đầu học trực tuyến là do phần mềm có chức năng tương tác trực tiếp nên giờ học cơ bản diễn ra như giảng dạy trên lớp, sinh viên thực hiện tốt việc ghi chép bài, đặt câu hỏi, lĩnh hội kiến thức, hoạt động nhóm có hiệu quả cũng như đa dạng trong tương tác với giảng viên hoặc thực hiện khá tốt yêu cầu của giảng viên. Trong quá trình giảng dạy, sinh viên tương tác với giảng viên rất sôi nổi và đa chiều. Thậm chí có những sinh viên ở lớp học truyền thống chưa bao giờ phát biểu ý kiến nhưng trên giờ học trực tuyến sinh viên nhiệt tình gơ tay rất nhiều lần. Tuy nhiên, phần trao đổi, thảo luận chậm hơn do giảng viên phải rà soát sinh viên gơ tay phát biểu. Có thể đánh giá rằng, internet đã san bằng mọi khoảng cách không gian, thời gian và giúp sinh

viên tự tin, hòa nhập hơn với thầy cô, bạn bè. Quan trọng là các giảng viên phải biết tạo ra nhiều hoạt động trong bài học, truyền cảm hứng, tạo động lực, lôi cuốn được cảm xúc của người học, đặt nhiều câu hỏi để thúc đẩy, kích thích quá trình tư duy động não cho sinh viên, có nhiều hoạt động tương tác, tránh việc thuyết trình, độc thoại sẽ dễ gây cảm giác nhàm chán với cả người dạy và người học. Giao bài tập hoặc câu hỏi thảo luận, yêu cầu sinh viên nộp bài, nộp sản phẩm trên hệ thống LMS cùng với các kênh khác khi kết thúc một nội dung học tập là điều hết sức cần thiết. Đây cũng là một trong những hình thức tốt để kiểm soát tốt lớp học, quá trình tự học, tự nghiên cứu và rèn luyện của sinh viên. Nhờ việc quản lý và giám sát dạy - học trực tuyến thường xuyên, thích hợp mà Học viện đã cải tiến, điều chỉnh để vận hành tối ưu hoạt động dạy - học trực tuyến và một số hoạt động khác liên quan như hoạt động khảo thí nhằm tối ưu hóa ưu điểm của đào tạo trực tuyến, đồng thời khắc phục những hạn chế của hình thức đào tạo này. Do đó, Học viện Phụ nữ Việt Nam vẫn đảm bảo chất lượng dạy - học.

2.4. Đảm bảo nguồn học liệu phục vụ dạy - học trực tuyến

Học viện quy định danh sách các học liệu chính thức giảng viên có trách nhiệm cung cấp cho sinh viên trên hệ thống LMS ngay từ tuần học đầu tiên như lịch học tập, nội quy lớp học trực tuyến, quy định về đánh giá học phần, điểm danh, nội dung thảo luận trên diễn đàn, đề cương chi tiết học phần, các đề kiểm tra mẫu, các tài liệu tham khảo miễn phí, các đường link tài liệu tham khảo công khai,... Đối với tài liệu giảng dạy ở mỗi tuần, quy định giảng viên phải cung cấp trước hoặc ngay sau khi kết thúc một chương/một nội dung học tập như slide bài giảng, audio/video clip bài giảng (nếu có), các bài tập thực hành/thảo luận,... Các học liệu phải được trưởng/phụ trách bộ môn duyệt trước khi đưa lên hệ thống, đảm bảo tính chính xác và thống nhất giữa các giảng viên. Học viện đã đưa khoảng 650 bài giảng trực tuyến các học phần lên hệ thống LMS phục vụ dạy - học trực tuyến.

Học viện cũng xác định cần đảm bảo đủ nguồn học liệu, từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử mới tạo điều kiện để sinh viên có thể tự học, tránh việc dạy chay, học chay. Tài liệu điện tử như giáo trình, tập bài giảng, sách chuyên khảo, ... cũng được Trung tâm Thông tin và Thư viện/Viện Công nghệ thông tin thường xuyên đưa lên hệ thống thư viện điện tử và cập nhật, đảm bảo hỗ trợ tối đa quá trình dạy và học. Học viện cũng số hóa khoảng 150 giáo trình, tài liệu tham khảo điện tử giúp tiết kiệm chi phí, thuận tiện nghiên cứu, dạy và học kiến thức mọi nơi, mọi lúc. Big data sẽ là nguồn dữ liệu vô tận để học tập trải nghiệm về nhận dạng xu hướng hay dự báo kinh doanh, ... ở mức chính xác hơn. Trong thời

gian tới, với nguồn tài liệu “mở”, đa chiều, tài nguyên học tập số trong điều kiện kết nối không gian thật và ảo phong phú, không gian thư viện của Học viện Phụ nữ Việt Nam có thể khai thác ở mọi nơi với những thao tác đơn giản. Giảng viên tìm hiểu, vận dụng và linh hoạt sử dụng kho phần mềm tiện ích với nhiều phần mềm dạy học hiện đại để tạo ra hiệu quả giáo dục tốt nhất. Giáo dục 4.0 đặt ra cho giảng viên một sự thay đổi lớn trong giảng dạy với sự xuất hiện của việc dạy học online, e-learning. Sự khác lạ của ngôi trường công nghệ còn nằm ở dự án “quét” sách ra kiến thức chuyên ngành. Chỉ cần dùng các thiết bị thông minh quét hình ảnh, mã code trên sách, kho kiến thức đồ sộ sẽ hiện ra trên điện thoại, máy tính của sinh viên. Đó có thể là slide thông tin về tác giả, tác phẩm, audio hoặc video bài giảng, ... giúp sinh viên nắm được nhanh kiến thức cần biết. Đây là xu hướng trong tương lai của Học viện đã từng được đề cập gần đây. 100% giảng viên, sinh viên đều có thể tiếp cận nhanh chóng nguồn học liệu điện tử đa dạng đã được số hóa. Hiệu quả của biện pháp đảm bảo nguồn học liệu phục vụ dạy - học trực tuyến mà Học viện Phụ nữ Việt Nam được ghi nhận đã giúp giảng viên, sinh viên có đủ tài liệu hỗ trợ dạy - học, nghiên cứu khoa học từ xa, việc truyền đạt của người dạy cũng như việc tiếp thu, lĩnh hội tri thức được dễ dàng và hiệu quả hơn.

2.5. Số hóa, công nghệ hóa kiến thức

Sinh viên cũng được làm quen với văn hóa số (bảng điểm online, đăng kí môn học online, sử dụng thư viện online...). Đối với những học phần chuyên ngành, việc minh họa sao cho sinh động để sinh viên tiếp nhận là rất cần thiết. Vì vậy, một số giảng viên, đặc biệt là giảng viên ngành Truyền thông đa phương tiện xây dựng dự án thiết kế game 3D rất hấp dẫn. Việc nghiên cứu và thiết kế ra tựa game có thể khám phá mọi khoảnh khắc trong từng học phần là một điểm nhấn của đào tạo nguồn nhân lực trong cách mạng công nghiệp 4.0. Sinh viên được trực tiếp trải nghiệm, chơi game nhập vai điều khiển, Công nghệ ảo là giải pháp thú vị cho những sinh viên khi học các học phần về du lịch, tham quan các địa điểm nổi tiếng trong nước và quốc tế. Với công nghệ hình ảnh 3D, sinh viên có thể tham gia vào những bối cảnh 3 chiều rất giống với thực tế. Nhiều hệ thống thực tế ảo còn tích hợp thêm nhiều yếu tố như ánh sáng, nước, gió, rung, ... làm tăng cảm xúc cho sinh viên, mang đến cho sinh viên những cách tiếp cận mới mẻ, dễ tiếp thu và ứng dụng bài học một cách hiệu quả hơn. Ứng dụng công nghệ thực tế ảo VR trong giảng dạy các học phần liên quan đến quản trị khách sạn như đặt phòng cho khách hay nâng cao kỹ năng cho nhân viên bằng việc mô phỏng các tình huống thực tế, mô phỏng các hoạt động của nhân viên lễ tân, từ đó hướng dẫn sinh viên học nghiệp vụ lễ tân về quy tắc chăm sóc

khách hàng chuyên nghiệp cũng là ý tưởng và bước đầu dần triển khai với một số lớp và sẽ được đẩy mạnh ứng dụng trong thời gian tới. Việc ứng dụng công nghệ giáo dục mới này cung cấp cho sinh viên một nền tảng học tập mới và hiệu quả hơn, một môi trường học tập với những cơ hội thực hành cần thiết để phát triển đầy đủ các kỹ năng thực tế, từ đó nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn với thực tiễn. Một số giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng cho hay việc ứng dụng công nghệ VR đem đến nhiều phương thức đào tạo hoàn toàn mới mẻ, trực quan, sinh động, mang lại cho sinh viên cách tiếp cận thực tế, dễ hiểu, phong phú và hấp dẫn hơn nhiều so với việc cung cấp thông qua sách, trang web hoặc thậm chí video nên sẽ được lựa chọn trong dạy - học những năm tới. Các tiết học trở nên sinh động và cụ thể hơn. Sinh viên được tương tác và tiếp cận với môi trường ảo để khám phá sâu rộng, hiểu rõ hơn về chúng, điều này giúp sinh viên thấy thú vị, dễ hiểu bài và ghi nhớ sâu hơn. So với đào tạo truyền thống, ứng dụng công nghệ mới này sẽ hiệu quả hơn trong việc phát triển các kỹ năng kỹ thuật, thực hành và cảm xúc xã hội của sinh viên. Việc số hóa, công nghệ hóa kiến thức trong đào tạo nguồn nhân lực sẽ thúc đẩy đổi mới các lĩnh vực, đáp ứng xu hướng “du lịch 4.0”, “truyền thông 4.0”, kinh tế 4.0”, ... và cuộc đua chuyển đổi số trong đào tạo ngày càng mạnh mẽ.

Số hóa, công nghệ hóa kiến thức giúp cho quá trình đào tạo và quản lý thuận tiện, hiệu quả, khoa học và chuyên nghiệp hơn, bắt kịp xu hướng của khu vực và thế giới, góp phần xây dựng thương hiệu Học viện Phụ nữ Việt Nam ngày càng phát triển.

2.6. Trò chơi hóa trong dạy - học trực tuyến

Trò chơi hóa trong học tập được hiểu là “sử dụng các cơ chế dựa trên trò chơi, tính thẩm mỹ và tư duy trò chơi để thu hút mọi người, thúc đẩy hành động, thúc đẩy học tập và giải quyết vấn đề” [1]. Trò chơi hóa đã được sử dụng trong bối cảnh giáo dục đào tạo là một tập hợp các hoạt động và quy trình để giải quyết vấn đề liên quan đến học tập và giáo dục bằng cách sử dụng hay ứng dụng các cơ chế trò chơi. Bilgin và Gul (2020) [2] đã chỉ ra điều quan trọng cần lưu ý rằng, trò chơi hóa là sự kết hợp giữa giải trí và các trò chơi nghiêm túc, nơi các câu phân giải trí của trò chơi được áp dụng để giải quyết các vấn đề thực tế trong môi trường trò chơi.

Giảng viên Học viện đã xem xét các khía cạnh sử dụng trò chơi để thúc đẩy các hành vi, động lực, sự tham gia, cộng tác... của sinh viên để làm cho việc học tập trở nên thú vị hơn. Tuy nhiên, hiệu quả của sử dụng trò chơi sẽ không chỉ phụ thuộc vào thiết kế trò chơi mà còn phụ thuộc vào các khía cạnh khác như đặc điểm của người học hoặc bối cảnh nơi trò chơi sẽ được thực hiện.

Một trong những phương thức giảng dạy mà giảng

viên Học viện Phụ nữ Việt Nam đang nghiên cứu và ứng dụng nhằm tăng cường sự tương tác và tạo hứng thú cho sinh viên, khắc phục hạn chế của dạy - học trực tuyến là phương thức trò chơi hóa trong dạy - học. Ứng dụng trò chơi hóa trong lĩnh vực đào tạo, các giảng viên có thể giúp tăng động lực và sự tương tác chủ động của sinh viên với các nội dung được học, từ đó giúp cho sinh viên tăng khả năng chấp nhận và hứng thú với việc học tập trực tuyến.

Ngoài ra, một loạt các trò chơi cũng được khoảng 90% giảng viên áp dụng ở nhiều môn học, trong giảng dạy nhiều ngành với những tên gọi khá hấp dẫn, kích thích sự tò mò và “nhập cuộc” của sinh viên trong mỗi buổi học như đi tìm mật thư, đua xe, truy tìm thủ phạm, ô chữ bí mật, ... 100% các ngành đào tạo của Học viện như ngành Quản trị kinh doanh, ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, ngành Kinh tế, ngành Luật, ngành Tâm lý, ngành Truyền thông đa phương tiện, ... đều áp dụng trò chơi trong dạy học. Vì thế, lớp học trực tuyến không nhàm chán, tràn đầy năng lượng, truyền cảm hứng từ giảng viên và sự tích cực, hào hứng của sinh viên, chất lượng giảng dạy, học tập cũng được nâng cao.

2.7. Quản lý lớp học trực tuyến bằng công nghệ

Sự phát triển công nghệ thông tin, công cụ kỹ thuật số, hệ thống mạng kết nối và siêu dữ liệu là những công cụ, phương tiện tốt để thay đổi cách thức tổ chức lớp học và phương pháp giảng dạy. Các lớp học truyền thống được thay thế bằng các lớp học trực tuyến, lớp học ảo. Tại lớp học trực tuyến, giảng viên tải toàn bộ tài liệu học phần, slide bài giảng, đề cương chi tiết, lịch trình dạy - học, tài liệu, video tham khảo, hình ảnh lớp học trên drive; giao và nộp bài tập về nhà, cùng hệ thống lịch nhắc sinh viên nộp bài. Học viện Phụ nữ Việt Nam cũng học hỏi, hướng đến xây dựng một hệ thống trực tuyến, có tích hợp trí tuệ nhân tạo phục vụ công tác dạy học tại trường. Ứng dụng phần mềm trực tuyến Zoom Cloud Meetings, Team, ... giảng viên Học viện có thể tạo ra các “lớp học vô cực”, bởi nó có thể kết nối với sinh viên ở bất cứ đâu, miễn có internet. Nhiều giảng viên đã tận dụng sự “vô cực” để kết nối với những sinh viên và cựu sinh viên đang sinh sống tại các điểm đến du lịch khi học đến kiến thức về các điểm đến này để sinh viên đang học được trực tiếp nghe, nhìn thông qua những bằng chứng xác thực tại các địa điểm ngoài nhà trường, ... 100% các lớp học, giờ học trực tuyến được quản lý bằng công nghệ và được ghi nhận khá hiệu quả trong dạy - học trực tuyến của Học viện Phụ nữ Việt Nam.

2.8. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập qua ứng dụng và website

Một hệ thống chuẩn hóa điểm số rất quan trọng để chuyên tải được hết mục đích của giáo dục, đồng thời

giúp xã hội đánh giá chính xác mức độ năng lực của sinh viên, từ đó giúp sinh viên định hướng được mục tiêu và điều chỉnh được hành vi, phương pháp học tập của bản thân nhằm nâng cao kết quả học tập, rèn luyện. Chất lượng đào tạo nguồn nhân lực được kiểm soát thường xuyên qua các cảm biến và kết nối không gian mạng. Một số giảng viên Học viện đang nghiên cứu ứng dụng Plickers trên điện thoại để “quét” đọc đáp án của sinh viên trên thẻ giấy và tự động nạp vào hệ thống. Sau khi sinh viên trả lời bộ câu hỏi, Plickers có phần hiển thị điểm tổng hợp kết quả của sinh viên rất nhanh và ngay lập tức hiện trên màn hình máy tính. Giảng viên cũng có thể xuất file bài làm của cả lớp, của từng sinh viên, thuận tiện kiểm tra, đối chiếu. Kiểm tra bài cũ bằng cách “quét” đáp án. Tuy nhiên, mới chỉ có một số ít giảng viên có kỹ năng công nghệ tốt, tích cực, chủ động nghiên cứu và đề xuất áp dụng vào một số học phần đặc thù, chưa triển khai, áp dụng phổ biến ứng dụng này. Đối với một số học phần, giảng viên có website giao nhận bài tập thiết kế poster tổng hợp kiến thức. Khi hoàn thành, sinh viên tự đưa sản phẩm lên website, LMS. Sản phẩm sẽ nằm trong đúng thư mục giảng viên đã đưa ra, tạo thành một thư viện chung nhiều sản phẩm của các lớp.

Dù trong Cách mạng công nghiệp 4.0, trong diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19 hay trong bối cảnh bình thường, Học viện Phụ nữ Việt Nam cũng chú trọng hành trình trải nghiệm của sinh viên trong giáo dục, dẫn dắt các sinh viên tiềm năng qua hành trình thú vị bằng cách xác định các điểm cảm nhận (điểm chạm) trong suốt trải nghiệm thời sinh viên, nơi mà Học viện có được cơ hội tốt nhất để tác động đến hành vi, sự hợp tác của sinh viên khi ứng dụng hiệu quả công nghệ giáo dục mới. Trong mô hình giáo dục 4.0 hiện đại, các điểm chạm đã xuất hiện nhiều hơn và con đường tương tác, kết nối được rút gọn, được cá nhân hóa.

Mặc dù đã có nhiều đánh giá tích cực, tuy nhiên do giảng dạy trên môi trường phòng học ảo nên việc kiểm soát người học, tính nghiêm túc, chủ động trong quá trình tự học, việc kiểm soát, đảm bảo tính công bằng, chính xác trong hoạt động đánh giá của sinh viên vẫn còn có những hạn chế nhất định. Chính vì vậy, kết thúc mỗi học kỳ, Học viện tổ chức buổi trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy trực tuyến. Giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng sẽ được thảo luận sâu hơn về kỹ năng thiết kế giao diện lớp học, kỹ năng giảng dạy, kỹ năng tương tác, kỹ năng chia nhóm thảo luận, kỹ năng tạo bài kiểm tra, đánh giá, thiết kế đường link lớp học, kỹ năng cập nhật tài liệu trực tuyến trên hệ thống; chia sẻ những vấn đề kỹ thuật trong thiết kế xây dựng bài giảng và giảng dạy trực tuyến, ... để không ngừng nâng cao trách nhiệm của người dạy và người học, phấn đấu “chất lượng đào tạo trực tuyến đạt được như đào tạo trực tiếp” để góp

phần đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục đại học.

Hiệu quả của các biện pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập qua ứng dụng và website mà Học viện Phụ nữ Việt Nam áp dụng được ghi nhận có kết quả khả quan, vì đánh giá chính xác, nhanh chóng, công bằng, thuận tiện, hiệu quả với khối lượng kiểm tra, đánh giá lớn và khả năng lưu giữ cao, góp phần giảm chi phí, tiết kiệm thời gian, công sức trong hoạt động đánh giá.

3. Kết luận

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin cùng với sự ra đời của mạng internet đã đem lại cho con người nhiều ứng dụng tiện ích. Trong đó, dạy - học trực tuyến trở thành một giải pháp của giáo dục nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nguồn lực cho xã hội. Với những tác động to lớn của đại dịch COVID-19, ứng dụng công nghệ thông tin và phần mềm giảng dạy trực tuyến đảm

bảo kế hoạch giảng dạy, học tập không bị gián đoạn là yêu cầu thiết yếu, góp phần thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trong giáo dục. Tuy nhiên, để hình thức này phát huy được các ưu điểm và hạn chế được các nhược điểm cần phải xây dựng đồng bộ các giải pháp, trong đó giảng viên phải xác định được tầm quan trọng của việc dạy học lấy người học là trung tâm, đẩy mạnh sự tương tác, tăng cường phát huy tính chủ động tự học, tự nghiên cứu của người học. Đây là yếu tố có vai trò then chốt trong việc đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục đại học, đáp ứng được yêu cầu đào tạo nguồn lực trong bối cảnh mới trước đại dịch COVID-19 vẫn tiếp diễn như hiện nay. Thực tiễn trong hai năm qua, Học viện Phụ nữ Việt đã nỗ lực, sáng tạo, quyết tâm, đồng lòng áp dụng nhiều giải pháp nâng cao hiệu quả dạy - học trực tuyến, tích cực chuyển mình, thích ứng thành công với đại dịch COVID-19.

Tài liệu tham khảo

- [1] Kapp, K. M, (2012), *The gamification of learning and instruction: game-based methods and strategies for training and education*: John Wiley & Sons.
- [2] Bilgin, Cigdem Uz - Gul, Abdulmenaf, (2020), *Investigating the effectiveness of gamification on group cohesion, attitude, and academic achievement in collaborative learning environments*, TechTrends, 64(1), p.124-136.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2021), *Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học*.
- [4] Học viện Phụ nữ Việt Nam, (2021), *Quyết định số 516/QĐ-HVPNVN ngày 02 tháng 8 năm 2021 về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Phụ nữ Việt Nam*.
- [5] Chính phủ, (2019), *Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học*,
- [6] *Luật Giáo dục Đại học năm 2012*, sửa đổi bổ sung năm 2018.
- [7] Tô Hồng Nam, (2020), *Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Thực trạng và giải pháp*, Tạp chí Thông tin và Truyền thông, Số 2 tháng 4 năm 2020.
- [8] Thủ tướng Chính phủ, (2017), *Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 phê duyệt Đề án Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2025*.

IMPROVING THE EFFECTIVENESS OF ONLINE LEARNING AND TEACHING: EXPERIENCE FROM VIETNAM WOMEN’S ACADEMY

Trương Thu Trà

Email: thutra@vwa.edu.vn
 Vietnam Women’s Academy
 68 Nguyen Chi Thanh, Dong Da, Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: *The COVID pandemic has had a great impact on higher education. Many higher education institutions have quickly switched from traditional teaching to online teaching to “safely adapt, flexibly and effectively control the COVID-19 epidemic”. This is also an opportunity for the education sector in general and higher education in particular to carry out the digital transformation process. For the digital transformation process to be effective, quality assurance needs to be implemented in a synchronous manner, with a focus on teaching and learning activities. The article discusses some practical experiences in the two years of converting face-to-face teaching to online teaching at the Vietnam Women’s Academy to gradually control and improve teaching effectiveness, contributing to ensuring and improving the quality of education.*

KEYWORDS: Digital transformation, online teaching, higher education, quality assurance.